TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Táo Thị Mộng Quyên, bà Xích Thị Bích Nhi.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số 366/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị Thu N, sinh năm 1984 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Lựu Ánh D, sinh năm 1980 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn Đào Thị Thu N trình bày: Chị Đào Thị Thu N và anh Lựu Á D sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân Phan Hòa, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 21/02/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên vợ chồng chị N, anh D đã sống ly thân cuối năm 2018 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lựu Ánh D.

- Về con chung: Chị N và anh D có bốn con chung là Lựu Văn M, sinh năm 2003; Lựu Thị S, sinh năm 2006; Lựu Nữ T, sinh ngày 15/3/2008 và Lựu Nữ Mai T, sinh ngày 22/9/2010. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung Lựu Nữ Tuyết Mai, sinh ngày 15/3/2008 và Lựu Nữ Mai T, sinh ngày 22/9/2010. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lựu Văn M, sinh năm 2003 và Lựu Thị S, sinh năm 2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lựu Ánh D mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, tạo điều kiện để anh D và chị N hàn gắn tìm cảm gia đình nhưng anh D vắng mặt và không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã thật sự trầm trọng, anh D và chị N không thương yêu, chia sẻ giúp đỡ chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đào Thị Thu N về việc ly hôn với anh Lựu Ánh D; về con chung: Giao con chung Lựu Nữ Tuyết Mai, sinh ngày 15/3/2008 và Lựu Nữ Mai T, sinh ngày 22/9/2010. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lựu Văn M, sinh năm 2003 và Lựu Thị S, sinh năm 2006 đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đào Thị Thu N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lựu Ánh D, anh D có hộ khẩu thường trú tại huyện B, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Thu N và anh Lựu Á D có đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 21/02/2002 tại Ủy ban nhân dân P, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh D là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Đào Thị Thu N và bị đơn anh Lựu Ánh D: Các đương sự vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo chị Đào Thị Thu N trình bày trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên vợ chồng chị N, anh D đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử thấy rằng: Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, phải có nghĩa vụ chung sống với nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của chị N, anh D không còn hạnh phúc, anh chị không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng, giúp đỡ nhau nên hạnh phúc gia đình ngày rạn nứt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến ai và thực tế anh chị đã tự sống xa nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay,

điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra một thời gian dài nhưng vợ chồng chị N, anh D không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên đồng ý ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống cho các bên. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị Thu N về yêu cầu được ly hôn với anh Lựu Ánh D.

Về con chung: Chị Đào Thị Thu N và anh Lựu Á D có bốn con chung là Lựu Văn M, sinh năm 2003; Lựu Thị S, sinh năm 2006; Lựu Nữ T, sinh ngày 15/3/2008 và Lựu Nữ Mai T, sinh ngày 22/9/2010. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung Lựu Nữ Tuyết Mai, sinh ngày 15/3/2008 và Lựu Nữ Mai T, sinh ngày 22/9/2010. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lựu Văn M, sinh năm 2003 và Lựu Thị S, sinh năm 2006 đã trưởng thành. Xét yêu cầu của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo đời sống của con được ổn định, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất, không làm xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt của con chung. Qua lời khai của nguyên đơn và các con chung là Lựu Nữ T và Lựu Nữ M thì hiện nay chị N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và chăm sóc con tốt, đảm bảo sự phát triển của con. Hơn nữa, hiện nay chị N có công việc, nơi ở và thu nhập ổn định. Do đó, tiếp tục giao các con chung Lựu Nữ Tuyết Mai, sinh ngày 15/3/2008 và Lựu Nữ Mai T, sinh ngày 22/9/2010 cho Đào Thị Thu N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho chị về quyền cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết chị N, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị Thu N, anh Lựu Á D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét ý kiến trình bày của các đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án, thì Đào Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Thu N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Thu N được ly hôn với anh Lựu Ánh D.

***Về con chung*:** Chị Đào Thị Thu N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lựu Nữ Tuyết Mai, sinh ngày 15/3/2008 và Lựu Nữ Mai T, sinh ngày 22/9/2010. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lựu Văn M, sinh ngày 04/3/2003 và Lựu Thị S, sinh ngày 20/4/2006 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Anh Lựu Ánh D và Đào Thị Thu N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh Lựu Ánh D được quyền thăm non con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết anh Lựu Ánh D và Đào Thị Thu N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị Thu N, anh Lựu Á D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Đào Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai số 0009140 ngày 21/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lựu Ánh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị Thu N, anh Lựu Á D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Bắc Bình;
- UBND xã Phan Hòa, huyện Bắc Bình (GCN kết hôn số 26, ngày 21/02/2002)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Ngọc